

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2016/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Phú Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND, ngày 14/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định cụ thể khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh tại trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng**1. Đối với học sinh**

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP;

b) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP;

c) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

2. Đối với các trường phổ thông

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú;

b) Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

Điều 3. Quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Trường hợp nhà ở xa trường

Khoảng cách quãng đường từ nhà đến trường: Từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học; từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông (Quy định địa bàn cụ thể tại phụ lục số 01 kèm theo).

2. Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (*phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá*)

Khoảng cách quãng đường từ nhà đến trường: Từ 0,5 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 2 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở (Quy định địa bàn cụ thể tại phụ lục số 02 kèm theo).

Điều 4. Quy định về tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh

1. Trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 150% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 09 tháng/năm.

2. Đối với trường tổ chức nấu ăn cho dưới 30 học sinh được tính 01 định mức/01 tháng và không quá 09 tháng/năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động rà soát, điều chỉnh khoảng cách và địa bàn đối với trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (*phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá*) làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến trước khi thực hiện.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

PHỤ LỤC SỐ 01

Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trường hợp nhà ở xa trường
(Kèm theo Nghị quyết số /2016/NQ-HĐND ngày /12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

1. Đối với học sinh tiểu học

TT	Địa bàn	Tên trường	Khoảng cách (km)
I. HUYỆN ĐÔNG HÒA			
1. Xã Hòa Tâm			
1	Thôn Đồng Bé	Tiểu học Bùi Thị Xuân Địa chỉ: Thôn Phước Lộc, xã Hòa Tâm	5
II. HUYỆN ĐÔNG XUÂN			
1. Xã Xuân Long			
1	Thôn Long Nguyên	Tiểu học Xuân Long Địa chỉ: Thôn Long Mỹ, xã Xuân Long	10
III. HUYỆN SÔNG HINH			
1. Xã Ea Trol			
1	Buôn Đực	Tiểu học Ea Trol Địa chỉ: Buôn Bàu, xã Ea Trol	5
2	Buôn Mùi		5,5
3	Thôn Vĩnh Sơn		7
4	Thôn Kinh Tê 2		4
2. Xã Sông Hinh			
1	Thôn Bình Sơn	Tiểu học Sông Hinh Địa chỉ: Thôn 3, xã Sông Hinh	5
2	Thôn Hòa Sơn		9
3	Buôn Kít		8
3. Xã Ea Ly			
1	Buôn Zô	Tiểu học Tân Lập Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Ea Ly	4,5
4. Xã Ea Bia			
1	Buôn Nhum	Tiểu học Ea Bia Địa chỉ: Buôn Krông, xã Ea Bia	7
2	Buôn Ma Sung		7

2. Đối với học sinh THCS

TT	Địa bàn	Tên trường	Khoảng cách (km)
I. HUYỆN ĐÔNG HÒA			
1. Xã Hòa Tâm			
1	Thôn Phước Giang	THCS Trần Nhân Tông Địa chỉ: Thôn Phước Lộc, xã Hòa Tâm	8
II. HUYỆN ĐÔNG XUÂN			
1. Xã Phú Mỹ			
1	Thôn Phú Tiến	PTDTBT Đinh Núp	7

TT	Địa bàn	Tên trường	Khoảng cách (km)
2	Thôn Phú Đồng	Địa chỉ: Thôn Phú Giang, xã Phú Mỹ	15
3	Thôn Phú Hải		20
2. Xã Xuân Long			
1	Thôn Long Nguyên	THCS Trần Quốc Toàn	10
2	Thôn Long Hòa	Địa chỉ: Thôn Long Mỹ, xã Xuân Long	8
3. Xã Xuân Phước			
1	Thôn Suối Mây	THCS Nguyễn Hào Sự Địa chỉ: Thôn Phú Xuân B, xã Xuân Phước	7,2
III. HUYỆN SƠN HÒA			
1. Xã Sơn Phước			
1	Thôn Ma Gú	THCS Vừ A Dính Địa chỉ: Thôn Hòn Ông, xã Sơn Phước	7
2. Xã Ea Chà Rang			
1	Thôn Độc Lập B	THCS Đinh Núp Địa chỉ: Thôn Kiến Thiết, xã Ea Chà Rang	7
IV. HUYỆN SÔNG HINH			
1. Xã Ea Trol			
1	Thôn Vĩnh Sơn	THCS Ea Trol Địa chỉ: Buôn Thu, xã Ea Trol	7
2. Xã Đức Bình Đông			
1	Buôn Thung	THCS Tổ Hữu Địa chỉ: Thôn Bình Giang, xã Đức Bình Đông	7
V. HUYỆN TÂY HÒA			
1. Xã Sơn Thành Tây			
1	Thôn Lạc Đạo	THCS Lê Lợi Địa chỉ: Thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông	7,7
VI. HUYỆN TUY AN			
1. Xã An Hiệp			
1	Thôn Phú Xuân	THCS An Hiệp Địa chỉ: Thôn Phong Phú, xã An Hiệp	7
2. Xã An Hòa			
1	Thôn Tân Hòa	THCS Lê Văn Tám Địa chỉ: Thôn Phú Diêm, xã An Hòa	7
3. Xã An Thọ			

TT	Địa bàn	Tên trường	Khoảng cách (km)
1	Thôn Lam Sơn	THCS An Dương Vương Địa chỉ: Thôn Phú Cần, xã An Thọ	7

4. Xã An Lĩnh

1	Thôn Phong Lãnh	THCS Nguyễn Hoa Địa chỉ: Thôn Phong Thái, xã An Lĩnh	7
---	-----------------	---	---

VII. THỊ XÃ SÔNG CẦU**1. Xã Xuân Hải**

1	Thôn 2	THCS Tô Vĩnh Diện Địa chỉ: Thôn 3, xã Xuân Hải	7,5
---	--------	---	-----

2. Xã Xuân Lâm

1	Thôn Bình Tây	THCS Nguyễn Du Địa chỉ: Thôn Long Phước, xã Xuân Lâm	20
---	---------------	---	----

3. Đối với học sinh THPT

TT	Tên trường	Địa bàn	Khoảng cách (km)
1	THPT Lê Trung Kiên Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Hoà Vinh, huyện Đông Hoà	1. Xã Hòa Hiệp Nam, huyện Đông Hòa	
		1 Thôn Phú Lạc	12
		2 Thôn Đa Ngur	11
		2. Xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa	
		1 Thôn Phước Giang	15
		2 Thôn Phước Lộc	17
		3 Thôn Phước Long	18
		4 Thôn Phước Tân	19
2	THPT Nguyễn Công Trứ Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Hoà Vinh, huyện Đông Hoà	1. Xã Hòa Hiệp Nam, huyện Đông Hòa	
		1 Thôn Đa Ngur	10
		2 Thôn Phú Lạc	14
		3 Thôn Thọ Lâm	18
		2. Xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa	
		1 Thôn Phước Giang	10
		2 Thôn Phước Lộc	12
		3 Thôn Phước Long	14
3	THPT Nguyễn Văn Linh Địa chỉ: Thôn Thọ Lâm, xã Hòa Hiệp Nam,	1. Xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa	
		1 Thôn Phước Giang	15
		2 Thôn Phước Lộc	12
		3 Thôn Phước Long	11
		4 Thôn Phước Tân	11

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		5	Thôn Đồng Bé	
4	huyện Đông Hòa THCS và THPT Chu Văn An Địa chỉ: Thôn Lãnh Trường, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân	1. Xã Đa Lộc, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn 4	10
		2	Thôn 5	11
		3	Thôn 6	12
		2. Xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Phước Huệ	22
		2	Thôn Triên Đức	23
		3	Thôn Kỳ Đu	24
		4	Thôn Phú Sơn	25
		3. Xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Đồng Hội	29
		2	Thôn Phú Tâm	30
		3	Thôn Suối Cối 1	27
		4	Thôn Suối Cối 2	28
		5	Thôn kỳ Lộ	32
		4. Xã Phú Mỹ, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Phú Giang	60
		2	Thôn Phú Lợi	61
		3	Thôn Phú Tiến	62
		4	Thôn Phú Đồng	63
		5	Thôn Phú Hải	64
		5. Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Long Thạch	12
		2	Thôn Long Hòa	15
		6. Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Suối Mây	30
		7. Xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Phước Nhuận	24
		2	Thôn Thanh Đức	23
		8. Xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Tân Thọ	30
		9. Xã Xuân Sơn Nam, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Tân Hòa	25
		2	Thôn Tân Long	24
		3	Thôn Tân An	20

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
5	THPT Lê Lợi Địa chỉ: Khu phố Long Thăng, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân	1. Xã Đa Lộc, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn 1	23
		2	Thôn 2	24
		3	Thôn 3	25
		4	Thôn 4	26
		5	Thôn 5	27
		6	Thôn 6	28
		2. Xã Phú Mỹ, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Phú Hải	55
		2	Thôn Phú Đồng	45
		3	Thôn Phú Lợi	45
		4	Thôn Phú Tiến	42
		5	Thôn Phú Giang	45
		3. Xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Lãnh Vân	15
		2	Thôn Lãnh Trường	17
		3	Thôn Lãnh Tú	18
		4	Thôn Lãnh Cao	18
		5	Thôn Hà Rai	17
		6	Thôn Da Dù	18
		7	Thôn Xí Thoại	17
		8	Thôn Soi Nga	18
		4. Xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Suối Côi 2	20
		2	Thôn Suối Côi 1	22
		3	Thôn Kỳ Lộ	25
		4	Thôn Đông Hội	26
		5	Thôn Phú Tâm	27
		5. Xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân		
		1	Xóm Gò Ôi, thôn Phú Sơn	11
		2	Xóm Mới, thôn Phú Sơn	11
		6. Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Long Nguyên	12
		7. Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân		
		1	Suối Mây	15
		8. Xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân		
		9. Xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đồng Xuân		

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		1	Thôn Tân Thọ	
6	THPT Nguyễn Thái Bình Địa chỉ: Thôn Phú Xuân B, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân	10. Xã Xuân Sơn Nam, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Tân Hòa	12
		2	Thôn Tân Long	10
		1. Xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Đồng Hội	20
		2	Thôn Suối Cối 1	11
		3	Thôn Kỳ Lộ	15
		4	Thôn Phú Tâm	17
		5	Thôn Lành Vần	25
		2. Xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Kỳ Đu	17
		2	Thôn Phước Huệ	15
		3	Thôn Phú Sơn	20
		4	Thôn Triêm Đức	16
		3. Xã Đa Lộc, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn 1	25
		2	Thôn 2	26
		3	Thôn 3	27
		4	Thôn 4	28
		5	Thôn 5	29
		6	Thôn 6	31
		4. Xã Phú Mỹ, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Phú Tiến	35
		2	Thôn Phú Giang	36
		3	Thôn Phú Lợi	38
		4	Thôn Phú Hải	40
		5	Thôn Phú Đồng	35
		5. Xã Xuân Lành, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Lành Tú	15
		2	Thôn Lành Cao	17
		3	Thôn Da Dù	18
		4	Thôn Hà Rai	19
		5	Thôn Soi Nga	20
		6	Thôn Lành Trường	17
		7	Thôn Xí Thoại	21
		6. Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Long Nguyên	16

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		2	Thôn Long Thạch	14
		3	Thôn Long Hòa	14
		9. Xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Tân Thọ	19
		10. Xã Xuân Sơn Nam, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Tân Hòa	16
		2	Thôn Tân Long	16
		3	Thôn Tân An	13
7	THPT Trần Bình Trọng Địa chỉ: Thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa	1. Xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa		
		1	Buôn Hố Hàm	22
8	THPT Trần Quốc Tuấn Địa chỉ: Thôn Định Thành, xã Hòa Định Đông, huyện Phú Hòa	1. Xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa		
		1	Buôn Hố Hàm	23
9	THPT Trần Suyên Địa chỉ: Thôn Phụng Tường 2, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa	1. Xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa		
		1	Buôn Hố Hàm	28
10	THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc Địa chỉ: thôn Phong Hậu, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa	1. Xã Cà Lúi, huyện Sơn Hòa		
		1	Buôn Ma Đào	27
		2	Buôn Ma Lúa	28
		3	Buôn Ma Lưng	29
		4	Buôn Ma Đĩa	28
		5	Buôn Ma Thín	29
		6	Buôn Ma Lãng	30
		7	Buôn Ma Nhe	31
		2. Xã Ea Chà Rang, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Độc Lập A	38
		2	Thôn Độc Lập B	39
		3	Thôn Độc Lập C	40
		4	Thôn Thanh Minh	39
		5	Thôn Kiến Thiết	40
		3. Xã Krông Pa, huyện Sơn Hòa		
		1	Buôn Khăm	54
		2	Buôn Lé A	55

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		3	Buôn Lé B	56
		4	Buôn Chơ	55
		5	Buôn Thu	57
		6	Buôn Học	58
		7	Thôn Phú Sơn	56
		4. Xã Phước Tân, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Tân Hải	32
		2	Thôn Gia Trụ	33
		3	Thôn Đá Bàn	35
		4	Thôn Suối Đá	37
		5	Thôn Ma Y	35
		6	Thôn Ma Giầy	36
		5. Xã Sơn Hội, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Tân Hội	20
		2	Thôn Tân Thành	21
		3	Thôn Tân Thuận	23
		4	Thôn Tân Hợp	22
		5	Thôn Tân Hiệp	24
		6	Thôn Tân Lương	26
		7	Thôn Tân Tiến	23
		8	Thôn Tân Hoà	26
		6. Xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Tân Hiên	22
		2	Thôn Tân Hoà	23
		3	Thôn Tân Bình	24
		4	Thôn Hòn Ống	25
		5	Thôn Ma Gú	26
		7. Xã Sơn Định, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Hoà Ngải	12
		8. Xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Dốc Cát	27
		2	Thôn Suối Cau	26
		3	Thôn Hòa Sơn	25
		9. Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Nguyên Xuân	20
		10. Xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Suối Bạc	32
		11. Xã Suối Trai, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Đoàn Kết	50
11	THPT Phan Bội Châu Địa chỉ: Khu phố	1. Xã Cà Lúi, huyện Sơn Hòa		
		1	Buôn Ma Đào	29,5

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
	Trung Hoà, thị trấn Cũng Sơn, huyện Sơn Hoà	2	Buôn Ma Lúa	31
		3	Buôn Ma Lưng	32
		4	Buôn Ma Đĩa	32,5
		5	Buôn Ma Thìn	33
		6	Buôn Ma Lãng	34
		7	Buôn Ma Nhe	35
		2. Xã Ea Chà Rang, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Độc lập A	14
		2	Thôn Độc lập B	17
		3	Thôn Độc lập C	18
		4	Thôn Thanh Minh	19
		5	Thôn Kiên Thiết	13
		3. Xã Krông Pa, huyện Sơn Hòa		
		1	Buôn Khăm	26
		2	Buôn Lé A	27
		3	Buôn Lé B	28
		4	Buôn Chê	29
		5	Buôn Thu	30
		6	Buôn Học	31
		7	Thôn Phú Sơn	32
		4. Xã Phước Tân, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Tân Hải	37
		2	Thôn Gia Trụ	38
		3	Thôn Đá Bàn	39
		4	Thôn Suối Đá	40
		5	Thôn Ma Y	41
		6	Thôn Ma Giầy	42
		5. Xã Sơn Hội, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Tân Hội	21
		2	Thôn Tân Thành	22
		3	Thôn Tân Thuận	23
		4	Thôn Tân Hợp	24
		5	Thôn Tân Hiệp	25
		6	Thôn Tân Lương	26
		7	Thôn Tân Tiến	27
		8	Thôn Tân Hoà	28
		6. Xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Tân Hiên	11
		2	Thôn Tân Hoà	12
		3	Thôn Tân Bình	13
		4	Thôn Hòn Ông	14

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		5	Thôn Ma Gú	15
		7. Xã Sơn Định, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Hoà Ngải	33
		8. Xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Suối Cau	12
		2	Thôn Dộc Cát	10
		3	Thôn Hoà Sơn	11
		9. Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Nguyên Xuân	17
		10. Xã Suối Trai, huyện Sơn Hòa		
		1	Thôn Đoàn Kết	21
		11. Xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh		
		1	Buôn Thung	21
		2	Thôn Bình Giang	18
12	THCS và THPT Nguyễn Khuyến Địa chỉ: Khu phố Triều Sơn Đông, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu	1. Xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Long Phước	12
		2	Thôn Bình Nông	15
		3	Thôn Cao Phong	10
		4	Thôn Bình Tây	18
		2. Xã Xuân Thọ 2, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Hảo Nghĩa	13
		2	Thôn Mỹ Lương	10
		3. Xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Lệ Uyên	13
		2	Thôn Trung Trinh	14
		3	Thôn Dân Phú 1	22
		4	Thôn Dân Phú 2	23
		5	Thôn Phú Mỹ	24
		4. Xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Phú Dương	24
		2	Thôn Vĩnh Hòa	25
		3	Thôn Từ Nham	25
		4	Thôn Hòa Hiệp	26
13	THCS và THPT Võ Nguyên Giáp Địa chỉ: Thôn Hòa Mỹ, xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu	1. Xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Long Phước	19
		2	Thôn Bình Nông	20
		3	Thôn Cao Phong	21
		4	Thôn Bình Tây	30
		2. Xã Xuân Thọ 2, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Triều Sơn	22

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		2	Thôn Hảo Nghĩa	28
		3	Thôn Mỹ Lương	30
		4	Thôn Hảo Danh	27
		3. Xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Lê Uyên	21
		2	Thôn Trung Trinh	23
		3	Thôn Dân Phú 1	30
		4	Thôn Dân Phú 2	31
		5	Thôn Phú Mỹ	30
		4. Xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Phú Dương	12
		2	Thôn Vĩnh Hòa	16
		3	Thôn Từ Nham	18
		4	Thôn Hòa Hiệp	10
14	THPT Phan Chu Trinh Địa chỉ: Thôn Thọ Lộc, xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu	1. Xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Long Phước	29
		2	Thôn Bình Nông	30
		3	Thôn Cao Phong	31
		4	Thôn Bình Tây	37
		2. Xã Xuân Thọ 2, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Triều Sơn	32
		2	Thôn Hảo Nghĩa	38
		3	Thôn Mỹ Lương	40
		4	Thôn Hảo Danh	37
		3. Xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Lê Uyên	19
		2	Thôn Trung Trinh	18
		3	Thôn Dân Phú 1	27
		4	Thôn Dân Phú 2	28
		5	Thôn Phú Mỹ	29
		4. Xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Hòa Hiệp	12
		2	Thôn Phú Dương	17
		3	Thôn Từ Nham	22
		4	Thôn Vĩnh Hòa	20
15	THPT Phan Đình Phùng Địa chỉ: 02 Phan Đình Phùng, phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu	1. Xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Bình Tây	12
		2. Xã Xuân Thọ 2, thị xã Sông Cầu		
		1	Thôn Hảo Nghĩa	13
		2	Thôn Mỹ Lương	15
		3	Thôn Hảo Danh	12

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)	
		3. Xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu			
		1	Thôn Dân Phú 1	15	
		2	Thôn Dân Phú 2	16	
		3	Thôn Phú Mỹ	17	
		4. Xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu			
		1	Thôn Phú Dương	17	
		2	Thôn Vĩnh Hòa	18	
		3	Thôn Từ Nham	18	
		4	Thôn Hòa Hiệp	19	
		16	THCS và THPT Võ Văn Kiệt Địa chỉ: Thôn Vạn Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hình	1. Xã Ea Bá, huyện Sông Hình	
			1	Buôn Bầu	30
			2	Buôn Bá	31
			3	Buôn Chao	32
			4	Buôn Ken	33
			2. Xã Ea Bar, huyện Sông Hình		
			1	Buôn Thứ	27
	2	Thôn Tân An	25		
	3	Thôn Chư Plôi	26		
	4	Buôn Quen	31		
	5	Buôn Trinh	30		
	6	Buôn Chung	33		
	7	Thôn Ea Đin	32		
	8	Thôn Ea M'Keng	32		
	3. Xã Ea Bia, huyện Sông Hình				
	1	Buôn Duôn Chách	23		
	2	Buôn Nhum	23		
	3	Buôn Ma Sung	24		
	4	Buôn 2 Klóc	25		
	5	Buôn Krông	25		
	6	Buôn Dành A	27		
	7	Buôn Dành B	27		
	4. Xã Ea Trol, huyện Sông Hình				
	1	Buôn Đức	25		
	2	Buôn Mùi	25		
	3	Thôn Kinh Tế 2	26		
	4	Thôn Chư Sai	26		
	5	Thôn Vĩnh Sơn	27		
	6	Buôn Thu	27		
	7	Buôn Thịnh	28		
	8	Buôn Bầu	28		
	9	Buôn Ly	29		

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		5. Xã Ea Lâm, huyện Sông Hình		48
		1	Buôn Gao	48
		2	Buôn Học	49
		3	Buôn Bai	49
		4	Buôn Bung A	50
		5	Buôn Bung B	50
		6. Xã Sông Hình, huyện Sông Hình		
		1	Thôn Hòa Sơn	47
		2	Thôn Yên Sơn	47
		3	Thôn Bình Sơn	48
		4	Thôn Suối Dứa	48
		5	Thôn 2A	50
		6	Thôn 2B	50
		7	Thôn 3	53
		8	Buôn Kít	55
		7. Xã Ea Ly, huyện Sông Hình		
		1	Thôn 2/4	40
		2	Thôn Tân Sơn	42
		3	Buôn Zô	45
		8. Xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Thung	15
		2	Thôn Bình Giang	17
17	THPT Nguyễn Du Địa chỉ: Thị Trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình	1. Xã Ea Bá, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Bá	11
		2	Buôn Chao	13
		3	Buôn Ken	10
		2. Xã Ea Bar, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Thứ	13
		2	Thôn Tân An	14,5
		3	Thôn Chư Plôi	14
		4	Buôn Quen	15
		5	Buôn Trinh	14
		6	Buôn Chung	17
		7	Thôn Ea Đin	19
		8	Thôn Ea M'Keng	13
		3. Xã Ea Bia, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Duôn Chách	14
		4. Xã Ea Trol, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Đức	10
		2	Buôn Mùi	10

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		3	Thôn Kinh Tế 2	11
		4	Thôn Chứ Sai	12
		5	Thôn Vĩnh Sơn	13
		5. Xã Ea Lâm, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Gao	22
		2	Buôn Học	24
		3	Buôn Bai	20
		4	Buôn Bung A	23
		5	Buôn Bung B	22,7
		6. Xã Sông Hình, huyện Sông Hình		
		1	Thôn Hòa Sơn	15
		2	Thôn Yên Sơn	26
		3	Thôn Bình Sơn	25
		4	Thôn Suối Dứa	26
		5	Thôn 2A	28
		6	Thôn 2B	30
		7	Thôn 3	27
		8	Buôn Kít	21
		7. Xã Ea Ly, huyện Sông Hình		
		1	Thôn 2/4	20
		2	Thôn Tân Sơn	22
		3	Buôn Zô	24
		8. Xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Thung	14
		2	Thôn Bình Giang	13
18	THPT Tôn Đức Thắng Địa chỉ: Thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hình	1. Xã Ea Bar, huyện Sông Hình		
		1	Thôn Chư Plôi	13
		2	Buôn Ea Din	11
		2. Xã Ea Bá, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Ken	19
		2	Buôn Bá	20
		3	Buôn Bâu	17
		4	Buôn Chao	21
		3. Xã Ea Bia, huyện Sông Hình		
		1	Buôn Dành B	24
		2	Buôn Dành A	26
		3	Buôn Krông	23
		4	Buôn 2 Klóc	21
		5	Buôn Ma Sung	20
		6	Buôn Nhum	23

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		7	Buôn Duôn Chách	22
		4. Xã Ea trol, huyện Sông Hinh		
		1	Thôn Vĩnh Sơn	27
		2	Buôn Mùi	28
		3	Buôn Đức	27
		4	Thôn Kinh Tế 2	25
		5	Buôn Thu	25
		6	Buôn Thịnh	24
		7	Buôn Bầu	25
		8	Buôn Ly	24
		9	Thôn Chứ Sai	26
		5. Xã Ea Lâm, huyện Sông Hinh		
		1	Buôn Bai	27
		2	Buôn Bưng A	25
		3	Buôn Bưng B	27
		4	Buôn Gao	29
		5	Buôn Học	26
		6. Xã Sông Hinh, huyện Sông Hinh		
		1	Thôn 2B	48
		2	Thôn 2A	47
		3	Thôn 3	43
		4	Thôn Suối Dứa	45
		5	Thôn Bình Sơn	42
		6	Thôn Yên Sơn	41
		7	Thôn Hòa Sơn	40
		8	Buôn Kít	38
		7. Xã Ea Ly, huyện Sông Hinh		
		1	Thôn 2/4	12
		2	Buôn Zô	10
		3	Thôn Tân Sơn	16
		8. Xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh		
		1	Buôn Thung	35
		2	Thôn Bình Giang	32
19	THPT Lê Hồng Phong Địa chỉ: Thị trấn Phú Thù, huyện Tây Hòa	1. Xã Sơn Thành Tây, huyện Tây Hòa		
		1	Thôn Lạc Đạo	30
20	THPT Nguyễn Thị Minh Khai Địa chỉ: Thị trấn Phú Thù, huyện Tây Hoà	1. Xã Sơn Thành Tây, huyện Tây Hòa		
		1	Thôn Lạc Đạo	28

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
21	THPT Phạm Văn Đồng Địa chỉ: Thôn Thạch Bàn, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa	1. Xã Sơn Thành Tây, huyện Tây Hòa		
		1	Thôn Lạc Đạo	13
22	THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân. Địa chỉ: Thôn Định Trung 1, xã An Định, huyện Tuy An	1. Xã An Hải, huyện Tuy An		
		1	Thôn Xuân Hòa	19
		2	Thôn Tân Quy	19,5
		3	Thôn Phước Đồng	18,8
		4	Thôn Đồng Môn	19,2
		5	Thôn Xóm Cát	18,3
		6	Thôn Đồng Nô	17,2
		2. Xã An Hòa, huyện Tuy An		
		1	Thôn Tân An	17,8
		2	Thôn Tân Hòa	18,5
		3	Thôn Tân Định	17,7
		4	Thôn Phú Diêm	19,3
		5	Thôn Diêm Hội	17,9
		6	Thôn Phú Thường	16,1
		7	Thôn Nhơn Hội	16,8
		8	Thôn Hội Sơn	17,9
		3. Xã An Ninh Đông, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Hội	19,5
		2	Thôn Phú Lương	19,2
		3	Thôn Phú Nhuận	18,3
		4	Thôn Phú Sơn	15,3
		5	Thôn Phú Hạnh	20,3
		4. Xã An Mỹ, huyện Tuy An		
		1	Thôn Tân Lập	30
		2	Thôn Phú Long	21
		3	Thôn Hòa Đa	20
		4	Thôn Giai Sơn	21
		5	Thôn Phú Hòa	18
		5. Xã An Ninh Tây, huyện Tuy An		
		1	Thôn Tiên Châu	19,8
		2	Thôn Hội Phú	18,2
		3	Thôn Xuân Phú	18,6
		4	Thôn Bình Thạnh	21,7
		5	Thôn Diêm Điền	19
		6. Xã An Cư, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Tân	10,5
		2	Thôn Hòa Thạnh	15,5

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		7. Xã An Chấn, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Thạnh	26
		2	Thôn Phú Phong	25,8
		3	Thôn Phú Quý	25,7
		4	Thôn Mỹ Quang Nam	28
		5	Thôn Mỹ Quang bắc	27
		8. Xã An Hiệp, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Xuân	14,8
		2	Thôn Mỹ Phú 1	14,6
		3	Thôn Mỹ Phú 2	14,9
		4	Thôn Phong Phú	15,1
		5	Thôn Tuy Dương	16,6
		6	Thôn Phước Hậu	15
		9. Xã An Phú, huyện Tuy An		
		1	Thôn Long Thủy	29
		2	Thôn Xuân Dục	30
		10. Xã Xuân Sơn Nam, huyện Đồng Xuân		
		1	Thôn Tân Hòa	10,8
		2	Thôn Tân Phú	10
		11. Xã An Thọ, huyện Tuy An		
		1	Thôn Lam Sơn	32
		12. Xã An Xuân, huyện Tuy An		
		1	Thôn Xuân Lộc	13
		13. Xã An Lĩnh, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phong Lãnh	11
23	THCS và THPT Võ Thị Sáu Địa chỉ: Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An	1. Xã An Hải, huyện Tuy An		
		1	Thôn Tân Quy	10,5
		2	Thôn Xuân Hòa	10,5
		3	Thôn Đồng Nổ	13
		4	Thôn Vũng Bầu	14
		5	Thôn Đồng Môn	14
		6	Thôn Xóm Cát	15
		2. Xã An Hòa, huyện Tuy An		
		1	Diêm Hội	20
		2	Hội Sơn	18
		3	Nhơn Sơn	20
		4	Phú Diêm	23
		5	Phú Thường	25
		6	Tân An	18
		7	Tân Định	18,5

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		8	Tân Hòa	20
		3. Xã An Cư, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phước Long	15
		2	Thôn Tân Long	15,5
		3	Thôn Hòa Thạnh	14
		4	Thôn Phú Tân 1	16
		5	Thôn Phú Tân 2	16,5
		4. Xã An Chấn, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Phong	33
		2	Thôn Phú Quý	32
		3	Thôn Mỹ Quang Nam	30
		4	Thôn Mỹ Quang Bắc	33
		5	Thôn Phú Thạnh	33
		5. Xã An Hiệp, huyện Tuy An		
		1	Thôn Mỹ Phú 1	19
		2	Thôn Mỹ Phú 2	18
		3	Thôn Phong Phú	19
		4	Thôn Phước Hậu	19,5
		5	Thôn Tuy Đông	16
		6	Thôn Phú Xuân	17,5
		6. Xã An Lĩnh, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phong Lãnh	25
		7. Xã An Thọ, huyện Tuy An		
		1	Thôn Lam Sơn	38
		8. Xã An Xuân, huyện Tuy An		
		1	Thôn Xuân Lộc	25
24	THPT Lê Thành Phương Địa chỉ: Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An	1. Xã An Hải, huyện Tuy An		
		1	Thôn Xuân Hòa	12,5
		2	Thôn Tân Quy	11,9
		3	Thôn Phước Đông	11,8
		4	Thôn Đồng Môn	11,2
		5	Thôn Xóm Cát	10,3
		6	Thôn Đồng Nô	11,2
		2. Xã An Ninh Đông, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Hội	19,5
		2	Thôn Phú Lương	19,2
		3	Thôn Phú Nhuận	18,3
		4	Thôn Phú Sơn	15,3
		5	Thôn Phú Hạnh	20,3
		3. Xã An Mỹ, huyện Tuy An		
		1	Thôn Tân Lập	11

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		4. Xã An Ninh Tây, huyện Tuy An		
		1	Thôn Tiên Châu	21,8
		2	Thôn Hội Phú	20,2
		3	Thôn Xuân Phú	20,6
		4	Thôn Bình Thạnh	22,7
		5	Thôn Diêm Điền	20
		5. Xã An Cư, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Tân	10,5
		2	Thôn Hòa Thạnh	17,5
		3	Thôn Phước Lương	11,1
		4	Thôn Tân Long	11,5
		6. Xã An Hiệp, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Xuân	11,4
		7. Xã An Thọ, huyện Tuy An		
		1	Thôn Lam Sơn	11,4
		8. Xã An Xuân, huyện Tuy An		
		1	Thôn Xuân Lộc	26
		9. Xã An Lĩnh, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phong Lãnh	19,6
25	THPT Trần Phú Địa chỉ: 30 Trần Rịa, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An	1. Xã An Hải, huyện Tuy An		
		1	Thôn Đông môn	22
		2	Thôn Phước đồng	20
		3	Thôn Đồng Nô	26
		4	Thôn Xóm Cát	25
		5	Thôn Tân Qui	24
		6	Thôn Xuân Hoà	26
		2. Xã An Hoà, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Diêm	17
		2	Thôn Tân Định	18
		3	Thôn Tân Hoà	18
		4	Thôn Tân An	18
		5	Thôn Diêm Hội	18
		6	Thôn Phú Thường	20
		7	Thôn Nhơn Hội	20
		8	Thôn Hội Sơn	20
		3. Xã An Ninh Đông, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phú Hội	12
		2	Thôn Phú Hạnh	12
		3	Thôn Phú Lương	13
		4	Thôn Phú Sơn	14
		5. Xã An Ninh Tây, huyện Tuy An		

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		2	Thôn Tiên Châu	10
		5	Thôn Bình Thạnh	10
		6. Xã An Cư, huyện Tuy An		
		1	Thôn Tân Long	11
		7. Xã An Chấn, huyện Tuy An		
		1	Thôn Mỹ Quang Bắc	22
		2	Thôn Mỹ Quang Nam	22
		3	Thôn Phú Phong	22
		4	Thôn Phú Quý	20
		5	Thôn Phú Thạnh	20
		8. Xã An Hiệp, huyện Tuy An		
		1	Thôn Mỹ Phú 1	10
		2	Thôn Mỹ Phú 2	10
		3	Thôn Phong Phú	12
		4	Thôn Phú Xuân	14
		5	Thôn Phước Hậu	15
		6	Thôn Tuy Dương	12
		9. Xã An Lĩnh, huyện Tuy An		
		1	Thôn Phong Lãnh	11
		10. Xã An Xuân, huyện Tuy An		
		1	Thôn Xuân Lộc	14
		11. Xã An Thọ, huyện Tuy An		
		1	Thôn Lam Sơn	25
26	THPT chuyên Lương Văn Chánh Địa chỉ: 05 Phan Lưu Thanh, thành phố Tuy Hoà	1. Xã An Phú, thành phố Tuy Hoà		
		1	Thôn Long Thủy	10
		2	Thôn Xuân Dục	11
		3	Thôn Phú Liên	11
		4	Thôn Phú Lương	12
		5	Thôn Chính Nghĩa	11
		Và tất cả các xã, thôn đặc biệt khó khăn trong tỉnh		Trên 10 km
27	THPT Ngô Gia Tự Địa chỉ: Phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hoà	1. Xã An Phú, thành phố Tuy Hoà		
		1	Thôn Long Thủy	16
		2	Thôn Xuân Dục	16
		3	Thôn Phú Liên	16
		4	Thôn Phú Lương	17
		5	Thôn Chính Nghĩa	16
28	THPT Nguyễn Huệ Địa chỉ: 09 Hoàng Diệu, Thành phố Tuy Hoà	1. Xã An Phú, thành phố Tuy Hoà		
		1	Thôn Long Thủy	13,3
		2	Thôn Xuân Dục	11
		3	Thôn Phú Liên	10,5

TT	Tên trường	Địa bàn		Khoảng cách (km)
		4	Thôn Phú Lương	11,7
		5	Thôn Chính Nghĩa	10,4
29	THPT Nguyễn Trãi Địa chỉ: Đường Trần Phú, thành phố Tuy Hòa	1. Xã An Phú, thành phố Tuy Hòa		
		1	Thôn Long Thủy	10,5
		2	Thôn Xuân Dục	10,5
		3	Thôn Phú Liên	10,5
		4	Thôn Phú Lương	10,2
		5	Thôn Chính Nghĩa	10,2
30	THPT Nguyễn Tộ Địa chỉ: 147 Ngô Gia Tự, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa	1. Xã An Phú, thành phố Tuy Hòa		
		1	Thôn Chính Nghĩa	14
		2	Thôn Long Thủy	15
		3	Thôn Phú Lương	14
		4	Thôn Phú Liên	16
		5	Thôn Xuân Dục	17
31	THPT Nguyễn Trãi Địa chỉ: Trần Phú, thành phố Tuy Hòa	1. Xã An Phú, thành phố Tuy Hòa		
		1	Thôn Phú Lương	10
32	THPT Nguyễn Bình Khiêm Địa chỉ: 199A, Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa	1. Xã An Phú, thành phố Tuy Hòa		
		1	Thôn Long Thủy	11,5
		2	Thôn Xuân Dục	11,5
		3	Thôn Phú Liên	11,5
		4	Thôn Phú Lương	11,2
		5	Thôn Chính Nghĩa	11,2

PHỤ LỤC SỐ 02

Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá)

(Kèm theo Nghị quyết số /2016/NQ-HĐND ngày /12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

1. Đối với học sinh tiểu học

T T	Địa bàn	Điểm trường chính				Điểm trường lẻ			
		Tên trường	Khoản g cách (km)	Đi học gặp địa hình cách trở giao thông		Tên điểm phụ gần nhất	Khoả ng cách (km)	Đi học gặp địa hình cách trở giao thông	
				Tên sông, suối không có cầu	Tên đèo , núi cao , vùn g sạt lở đất đá			Tên sông , suối khô ng có cầu	Tên đèo, núi cao, vùn g sạt lở đất đá
I. HUYỆN ĐỒNG XUÂN									
1. Xã Phú Mỹ									
1	Thôn Phú Tiến	Tiểu học Phú Mỹ Địa chỉ: Thôn Phú Giang, xã Phú Mỹ	7			Phân Phú Tiến (Làng 1)	0,5	Suối La Hiên	
II. HUYỆN PHÚ HÒA									
1. Xã Hòa Hội									
1	Buôn Hố Hàm	Tiểu học Hòa Hội Địa chỉ: Thôn Phong Hậu, xã Hòa Hội	2	Suối Bạch Ngọc, suối Cây Me					
III. HUYỆN TUY AN									
1. Xã An Hiệp									
1	Thôn	Tiểu học An Hiệp	3		Đề	Đồng	3,5		Đề

T T	Địa bàn	Điểm trường chính				Điểm trường lẻ			
		Tên trường	Khoảng cách (km)	Đi học gặp địa hình cách trở giao thông		Tên điểm phụ gần nhất	Khoảng cách (km)	Đi học gặp địa hình cách trở giao thông	
				Tên sông, suối không có cầu	Tên đèo, núi cao, vùng sạt lở đất đá			Tên sông , suối không có cầu	Tên đèo, núi cao, vùng sạt lở đất đá
	Mỹ Phú 1 (Đồn g Đức)	số 2 Địa chỉ: Thôn Mỹ Phú 1, xã An Hiệp			o Qu án Ca u	Đức			o Qu án Ca u

2. Đối với học sinh THCS

TT	Địa bàn	Tên trường	Khoảng cách (km)	Đi học gặp địa hình cách trở giao thông		Ghi chú
				Tên sông, suối không có cầu	Tên đèo, núi cao, vùng sạt lở đất đá	

I. HUYỆN ĐỒNG XUÂN**1. Xã Phú Mỹ**

1	Thôn Phú Lợi	PTDTBT Đình Núp Địa chỉ: Thôn Phú Giang, xã Phú Mỹ	3	Bà Đài		
2 Xã Xuân Quang 1						
1	Thôn Đồng Hội	THCS Lê Văn Tám Địa chỉ: Thôn Kỳ Lộ, xã Xuân Quang 1	4	Kỳ Lộ		

II. HUYỆN TUY AN**1. Xã An Ninh Đông**

TT	Địa bàn	Tên trường	Khoảng cách (km)	Đi học gặp địa hình cách trở giao thông		Ghi chú
				Tên sông, suối không có cầu	Tên đèo, núi cao, vùng sạt lở đất đá	
1	Thôn Phú Hạng	THCS Ngô Mỹ Địa chỉ: thôn Phú Hội, xã An Ninh Đông	4		Qua núi cao, vùng sạt lở đất, đá	
III. THỊ XÃ SÔNG CẦU						
1. Xã Xuân Phương						
1	Thôn Dân Phú 2	TH&THCS Lê Quý Đôn Địa chỉ: Thôn Dân Phú 2, xã Xuân Phương	5,5		Đèo Vững Me, Vững La	

3. Đối với học sinh THPT: Trên địa bàn tỉnh Phú Yên không có địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn mà học sinh THPT đi học gặp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn và khoảng cách từ nhà đến trường dưới 10 km./.